Người ký: BỘ CÔNG THƯƠNG
Tổ chức: BỘ CÔNG THƯƠNG
Ngày ký: 30/10/2026 14:08:29

BỘ CÔNG THƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 68/2026/TT-BCT	*Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2026*

THÔNG TƯ

Quy định tỷ lệ hao hụt xăng dầu trong hoạt động kinh doanh xăng dầu

Căn cứ Nghị định số 351/2026/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2021 và Nghị định số 80/2023/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Khoa học, Công nghệ và Chuyển đổi số;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định tỷ lệ hao hụt xăng dầu trong hoạt động kinh doanh xăng dầu.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định tỷ lệ hao hụt xăng dầu tối đa trong hoạt động kinh doanh xăng dầu, bao gồm: xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh tạm nhập tái xuất, kinh doanh chuyển khẩu, gia công xăng dầu xuất khẩu; pha chế xăng dầu; mua bán, phân phối xăng dầu tại thị trường trong nước; tiếp nhận, bảo quản và vận chuyển xăng dầu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với thương nhân theo quy định của Luật Thương mại, có hoạt động kinh doanh xăng dầu và tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý tỷ lệ hao hụt xăng dầu trong hoạt động kinh doanh xăng dầu tại thị trường Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Hao hụt xăng dầu là sự thiếu hụt xăng dầu về lượng so với lượng xăng dầu ban đầu do bay hơi tự nhiên, bám dính, ảnh hưởng của các yếu tố về công nghệ, kỹ thuật trong quá trình giao nhận nhập, xuất, tồn chứa, súc rửa bồn bể, phương tiện vận chuyển, pha chế, vận chuyển, chuyển tải, bán lẻ xăng dầu.

2. Tồn chứa xăng dầu là công đoạn lưu trữ xăng dầu hoặc dự trữ xăng dầu để nhập, xuất bán trong đó có tồn chứa xăng dầu ngắn ngày và tồn chứa xăng dầu dài ngày, không bao gồm hoạt động lưu trữ trong công đoạn vận chuyển.

3. Tồn chứa xăng dầu ngắn ngày là công đoạn lưu trữ xăng dầu trong các kho, bồn, bể, tàu, xà lan chứa xăng dầu có ít nhất một lần xuất, nhập xăng dầu trong một tháng.

4. Tồn chứa xăng dầu dài ngày là công đoạn lưu trữ xăng dầu trong các kho, bồn, bể, tàu, xà lan chứa xăng dầu không có hoạt động xuất, nhập xăng dầu trong một tháng.

5. Vận chuyển xăng dầu là công đoạn xăng dầu được di chuyển từ nơi xuất đến nơi nhập xăng dầu bằng phương tiện vận chuyển, đường ống.

6. Công đoạn nhập xăng dầu là hoạt động tiếp nhận xăng dầu từ thiết bị chứa xăng dầu của phương tiện vận chuyển, đường ống hoặc bể chứa vào hệ thống thiết bị tồn chứa xăng dầu.

7. Công đoạn xuất xăng dầu là hoạt động xuất xăng dầu từ hệ thống thiết bị tồn chứa sang thiết bị chứa xăng dầu của phương tiện vận chuyển hoặc bể chứa.

8. Công đoạn chuyển bồn, bể là hoạt động chuyển xăng dầu từ bồn, bể này sang bồn, bể chứa khác.

9. Tỷ lệ hao hụt xăng dầu của từng công đoạn trong hoạt động kinh doanh xăng dầu được tính bằng phần trăm (%) của lượng xăng dầu hao hụt so với lượng xăng dầu ban đầu trong một công đoạn mà hoạt động kinh doanh xăng dầu đó thực hiện giao nhận nhập, xuất, tồn chứa, súc rửa bồn, bể, phương tiện vận chuyển, pha chế, vận chuyển, chuyển tải, bán lẻ xăng dầu.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý tỷ lệ hao hụt xăng dầu

1. Tỷ lệ hao hụt xăng dầu quy định tại Thông tư này là tỷ lệ hao hụt xăng dầu tối đa.

2. Hao hụt xăng dầu được quản lý, tổ chức, hạch toán, quyết toán đối với từng sản phẩm xăng dầu, bao gồm: xăng không chì các loại, xăng sinh học E5, E10 các loại, etanol nhiên liệu E100, dầu hoả (KO) các loại, nhiên liệu phản lực tuốc bin hàng không JET A-1 các loại, dầu điêzen các loại, nhiên liệu đốt lò (FO) các loại, nhiên liệu hàng hải (F) các loại.

3. Lượng và giá trị hao hụt của các sản phẩm không được bù trừ lẫn nhau trong một kỳ quyết toán. Riêng đối với xăng dầu được bơm chuyển trên cùng một hệ thống đường ống công nghệ, phần sản phẩm lẫn được bù trừ về lượng.

4. Trường hợp xảy ra hao hụt bất thường so với quy định tỷ lệ hao hụt tại Thông tư này (bao gồm cả hao hụt tồn chứa trong đường ống đối với vận chuyển bằng đường ống), thương nhân kinh doanh xăng dầu cần xác định nguyên nhân gây ra hao hụt và có biện pháp xử lý kịp thời để ngăn chặn và giảm thiểu tới mức thấp nhất các tổn thất có thể xảy ra.

Điều 5. Nguyên tắc xác định hao hụt xăng dầu trong hoạt động kinh doanh xăng dầu

1. Hao hụt xăng dầu trong hoạt động kinh doanh xăng dầu được quy định tại Điều 1 Thông tư này là tổng lượng hao hụt xăng dầu của các công đoạn mà hoạt động kinh doanh xăng dầu đó thương nhân thực hiện.

2. Đơn vị tính và điều kiện xác định tỷ lệ hao hụt xăng dầu cụ thể như sau:

a) Đối với kết quả đo xăng dầu phải được quy đổi về điều kiện cơ sở (nhiệt độ cơ sở là 15°C và áp suất cơ sở là 101325 Pa); riêng trường hợp xuất bán tại cột đo xăng dầu của cửa hàng bán lẻ xăng dầu đơn vị tính là lít thực tế;

b) Đối với nhiên liệu đốt lò (FO), nhiên liệu hàng hải (F) các loại, đơn vị tính là khối lượng (kg).

3. Tỷ lệ hao hụt xăng dầu của các công đoạn được xác định theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13 Thông tư này.

4. Tỷ lệ hao hụt xăng dầu được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xem xét, đánh giá và điều chỉnh phù hợp với thực trạng trang thiết bị công nghệ, trình độ, yêu cầu quản lý và cơ chế kinh doanh xăng dầu trong từng thời kỳ.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 6. Tỷ lệ hao hụt xăng dầu công đoạn nhập

1. Hao hụt xăng dầu công đoạn nhập được xác định bằng hiệu số của lượng xăng dầu tại thiết bị chứa xăng dầu của phương tiện vận chuyển hoặc bồn, bể chứa trước khi nhập trừ đi lượng xăng dầu thực tế nhận được tại bồn, bể hoặc lượng xác định tại đồng hồ.

2. Tỷ lệ hao hụt xăng dầu công đoạn nhập được tính bằng phần trăm (%) của lượng xăng dầu hao hụt so với lượng xăng dầu tại thiết bị chứa xăng dầu của phương tiện vận chuyển hoặc bồn, bể chứa trước khi nhập. Tỷ lệ hao hụt xăng dầu tối đa công đoạn nhập quy định tại Phụ lục I Thông tư này.

3. Chiều dài đường ống nhập từ phương tiện vận chuyển, bể chứa đến bể nhập lớn hơn 02 (hai) km thì hao hụt xăng dầu tối đa công đoạn nhập được cộng thêm hao hụt vận chuyển bằng đường ống theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư này.

Điều 7. Tỷ lệ hao hụt xăng dầu công đoạn xuất

1. Hao hụt xăng dầu công đoạn xuất được xác định bằng hiệu số của lượng xăng dầu xuất đi tại bồn, bể xuất trừ đi lượng nhận tại thiết bị chứa xăng dầu của phương tiện vận chuyển hoặc bồn, bể hoặc lượng xác định tại đồng hồ.

2. Tỷ lệ hao hụt xăng dầu công đoạn xuất cho phương tiện bằng đường thủy, đường bộ, đường sắt và đường ống được tính bằng phần trăm (%) của lượng xăng dầu hao hụt so với lượng xăng dầu xuất qua đồng hồ hoặc tại phương tiện vận chuyển hoặc bồn, bể. Tỷ lệ hao hụt xăng dầu tối đa công đoạn xuất được quy định tại Phụ lục II Thông tư này. Thương nhân kinh doanh xăng dầu tùy theo điều kiện quản lý vận hành có thể áp dụng tỷ lệ hao hụt xăng dầu tối đa trong công đoạn xuất bằng một trong hai phương thức tại Phụ lục II Thông tư này.

3. Chiều dài đường ống xuất từ bể xuất đến đồng hồ; từ đồng hồ đến phương tiện vận chuyển lớn hơn 02 (hai) km thì hao hụt xăng dầu tối đa công đoạn xuất được cộng thêm hao hụt vận chuyển đường ống theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư này.

Điều 8. Tỷ lệ hao hụt xăng dầu công đoạn tồn chứa

1. Hao hụt xăng dầu công đoạn tồn chứa là lượng xăng dầu thiếu hụt trong quá trình tồn chứa xăng dầu. Trong khoảng thời gian này không phát sinh bất kỳ hoạt động nhập, xuất, chuyển bể hoặc súc rửa.

2. Lượng xăng dầu hao hụt công đoạn tồn chứa được xác định bằng hiệu số giữa lượng xăng dầu trong bồn, bể tại thời điểm kết thúc một nghiệp vụ trước (nhập, xuất, chuyển bể, súc rửa) trừ đi lượng xăng dầu trong bồn, bể chứa khi bắt đầu một nghiệp vụ tiếp theo.

3. Tỷ lệ hao hụt xăng dầu công đoạn tồn chứa ngắn ngày

a) Lượng xăng dầu tồn chứa để xác định tỷ lệ hao hụt xăng dầu bằng trung bình cộng của lượng xăng dầu tồn chứa được xác định trong tất cả các ngày trong tháng. Đối với bồn, bể chứa có kết nối mạng với Bộ Công Thương, lượng xăng dầu tồn chứa để xác định tỷ lệ hao hụt xăng dầu bằng trung bình cộng của lượng xăng dầu tồn chứa được xác định ít nhất với chu kỳ 05 ngày/lần trong tháng;

b) Tỷ lệ hao hụt xăng dầu công đoạn tồn chứa ngắn ngày được tính bằng phần trăm (%) của lượng xăng dầu hao hụt so với lượng xăng dầu tồn chứa bình quân trong tháng. Tỷ lệ hao hụt xăng dầu tối đa trong tồn chứa ngắn ngày quy định tại Phụ lục III Thông tư này.

4. Tỷ lệ hao hụt xăng dầu công đoạn tồn chứa dài ngày

a) Lượng xăng dầu tồn chứa để xác định tỷ lệ hao hụt xăng dầu là lượng xăng dầu tồn chứa ngày thứ 01 của tháng;

b) Tỷ lệ hao hụt xăng dầu công đoạn tồn chứa dài ngày được tính bằng phần trăm (%) của lượng xăng dầu hao hụt so với lượng xăng dầu tồn chứa ngày thứ 01 của tháng. Tỷ lệ hao hụt xăng dầu tối đa trong tồn chứa dài ngày quy định tại Phụ lục III Thông tư này.

Điều 9. Tỷ lệ hao hụt xăng dầu trong công đoạn súc rửa

1. Hao hụt xăng dầu trong công đoạn súc rửa bồn, bể chứa, phương tiện vận chuyển là lượng xăng dầu thiếu hụt do bay hơi, bám dính vào thành bồn, bể chứa, phương tiện vận chuyển, không bao gồm lượng xăng dầu lẫn vào bùn cặn ở đáy thiết bị bồn, bể chứa, phương tiện vận chuyển khi súc rửa không sử dụng được.

2. Lượng xăng dầu hao hụt trong công đoạn súc rửa bồn, bể chứa, phương tiện vận chuyển được xác định bằng hiệu số giữa tổng lượng xăng dầu tồn chứa tại bồn, bể chứa, phương tiện vận chuyển trước khi súc rửa (bơm chuyển, nạo vét) trừ đi tổng lượng xăng dầu thu hồi được sau khi súc rửa bồn, bể chứa, phương tiện vận chuyển, không bao gồm lượng xăng dầu lẫn vào bùn cặn ở đáy thiết bị chứa, phương tiện vận chuyển khi súc rửa không sử dụng được.

3. Lượng xăng dầu lẫn vào bùn cặn ở đáy thiết bị chứa, phương tiện vận chuyển khi súc rửa không sử dụng được do thương nhân kinh doanh xăng dầu tổ chức xác định theo thực tế.

4. Tỷ lệ hao hụt xăng dầu trong công đoạn súc rửa được tính bằng phần trăm (%) của lượng xăng dầu hao hụt so với dung tích bồn, bể chứa, phương tiện vận chuyển cần súc rửa. Tỷ lệ hao hụt xăng dầu tối đa trong công đoạn súc rửa quy định tại Phụ lục IV Thông tư này.

Điều 10. Tỷ lệ hao hụt xăng dầu trong công đoạn pha chế

1. Hao hụt xăng dầu trong công đoạn pha chế được xác định bằng hiệu số của tổng lượng các thành phần pha chế đầu vào trừ đi lượng thành phẩm xăng dầu đầu ra.

2. Tỷ lệ hao hụt xăng dầu trong công đoạn pha chế được tính bằng phần trăm (%) của lượng xăng dầu hao hụt so với tổng lượng các thành phần pha chế đầu vào. Tỷ lệ hao hụt xăng dầu tối đa trong công đoạn pha chế quy định tại Phụ lục V Thông tư này.

Điều 11. Tỷ lệ hao hụt xăng dầu vận chuyển

1. Tỷ lệ hao hụt xăng dầu vận chuyển đường thủy, đường bộ, đường sắt.

a) Hao hụt xăng dầu vận chuyển bằng đường thủy, đường bộ, đường sắt được xác định bằng hiệu số giữa lượng xăng dầu xác định tại phương tiện nơi xuất xăng dầu và lượng xăng dầu xác định tại phương tiện nơi nhận xăng dầu;

b) Tỷ lệ hao hụt xăng dầu vận chuyển bằng đường thủy, đường bộ, đường sắt được tính bằng phần trăm (%) của lượng xăng dầu hao hụt so với lượng xăng dầu xác định tại phương tiện nơi xuất xăng dầu nhưng không lớn hơn tỷ lệ hao hụt tối đa quy định tại điểm c khoản 1 Điều này;

c) Tỷ lệ hao hụt xăng dầu tối đa vận chuyển bằng đường thủy, đường bộ, đường sắt quy định tại khoản 1, khoản 2 Phụ lục VI Thông tư này.

2. Tỷ lệ hao hụt xăng dầu vận chuyển bằng đường ống

a) Hao hụt xăng dầu vận chuyển bằng đường ống được xác định cho quá trình bơm chuyển xăng dầu từ bể xuất đến bể nhận trên tuyến ống cứng bằng thép, có đường kính trong từ 145 mm trở lên. Hao hụt xăng dầu vận chuyển bằng đường ống là tổng lượng hao hụt xăng dầu tồn chứa trong đường ống và hao hụt xăng dầu vận chuyển;

b) Tỷ lệ hao hụt xăng dầu vận chuyển bằng đường ống được tính bằng phần trăm (%) của lượng xăng dầu hao hụt so với lượng xăng dầu từ bể xuất, đồng hồ;

c) Tỷ lệ hao hụt xăng dầu tối đa vận chuyển bằng đường ống trường hợp có hoạt động vận chuyển ít nhất 01 lần trong thời gian 05 ngày quy định tại khoản 3 Phụ lục VI Thông tư này;

d) Trường hợp không có hoạt động vận chuyển trong thời gian lớn hơn 05 ngày. Tỷ lệ hao hụt xăng dầu vận chuyển bằng đường ống được cộng thêm lượng hao hụt tồn chứa trong đường ống. Tỷ lệ hao hụt xăng dầu tồn chứa trong đường ống được tính bằng phần trăm (%) của lượng xăng dầu hao hụt so với lượng xăng dầu tồn chứa trong đường ống. Tỷ lệ hao hụt tồn chứa tối đa trong đường ống quy định tại khoản 4 Phụ lục VI Thông tư này.

Điều 12. Tỷ lệ hao hụt xăng dầu công đoạn chuyển tải

1. Hao hụt xăng dầu công đoạn chuyển tải được xác định bằng hiệu số của lượng xăng dầu chuyển tải xác định từ tàu lớn hoặc phương tiện vận tải khác trừ đi lượng xăng dầu xác định nhận tại tàu nhỏ hoặc phương tiện vận tải.

2. Tỷ lệ hao hụt xăng dầu công đoạn chuyển tải được tính bằng phần trăm (%) của lượng xăng dầu hao hụt so với lượng xăng dầu chuyển tải từ tàu lớn hoặc phương tiện vận tải. Tỷ lệ hao hụt xăng dầu tối đa công đoạn chuyển tải quy định tại Phụ lục VII Thông tư này.

Điều 13. Tỷ lệ hao hụt xăng dầu công đoạn xuất từ bể chứa đến cột bơm xăng dầu tại cửa hàng bán lẻ xăng dầu và từ phương tiện tra nạp hoặc bể chứa nhiên liệu hàng không đến đồng hồ xuất lên máy bay

1. Hao hụt xăng dầu tại cửa hàng bán lẻ xăng dầu được xác định bằng tổng lượng hao hụt xăng dầu của các công đoạn nhập, xuất, tồn chứa và súc rửa.

2. Tỷ lệ hao hụt xăng dầu các công đoạn nhập, tồn chứa và súc rửa được quy định tại các Điều 6, Điều 8, Điều 9 Thông tư này. Tỷ lệ hao hụt xăng dầu tối đa công đoạn xuất tính từ bồn hoặc bể chứa đến cột bơm xăng dầu tại cửa hàng bán lẻ xăng dầu và từ phương tiện tra nạp hoặc bể chứa nhiên liệu hàng không đến đồng hồ xuất lên máy bay quy định tại Phụ lục VIII Thông tư này.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm của các đơn vị

1. Cục Khoa học, Công nghệ và Chuyển đổi số

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan phổ biến nội dung Thông tư này, hướng dẫn áp dụng quy định tỷ lệ hao hụt xăng dầu trong hoạt động kinh doanh xăng dầu.

2. Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Thông tư này trong công tác quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh xăng dầu tại thị trường trong nước.

Điều 15. Trách nhiệm của thương nhân kinh doanh xăng dầu

1. Tổ chức quản lý hao hụt xăng dầu trong hoạt động kinh doanh xăng dầu; xây dựng, ban hành quy định cụ thể về tỷ lệ hao hụt xăng dầu nhưng không được cao hơn tỷ lệ hao hụt quy định tại Thông tư này hoặc áp dụng trực tiếp các quy định về tỷ lệ hao hụt xăng dầu tại Thông tư này; xây dựng, ban hành quy định về quản lý hao hụt xăng dầu trong các hoạt động kinh doanh xăng dầu và tự chịu trách nhiệm về hao hụt xăng dầu trong các hoạt động kinh doanh xăng dầu do Thương nhân thực hiện;

Căn cứ vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý, điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật, thương nhân kinh doanh xăng dầu có thể lựa chọn nghiên cứu, xây dựng áp dụng quản lý hao hụt xăng dầu theo khâu (khâu vận tải, khâu qua kho, khâu bán lẻ hoặc khâu khác phù hợp với hoạt động kinh doanh), bao gồm một hoặc nhiều công đoạn theo nguyên tắc xây dựng định mức hao hụt của tổng các công đoạn thành phần trong khâu không được vượt quá định mức của tổng các công đoạn tương ứng tại Phụ lục kèm theo Thông tư này và tự chịu trách nhiệm về hao hụt xăng dầu trong các hoạt động kinh doanh xăng dầu do Thương nhân thực hiện.

2. Tổ chức hạch toán theo quy định hiện hành, quyết toán trong hoạt động kinh doanh xăng dầu liên quan đến hao hụt xăng dầu xác định theo lượng xăng dầu hao hụt thực tế nhưng không được cao hơn so với tỷ lệ hao hụt xăng dầu quy định tại Thông tư này.

3. Chủ động nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cấp cải tạo lắp mái phao cho các bồn, bể cũ chưa lắp đặt mái phao; các thiết bị đo lường của bồn, bể chứa và của hệ thống thiết bị khác trong kho phải được kiểm định, hiệu chuẩn bởi các tổ chức có năng lực theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan quy định phải đầu tư nâng cấp cải tạo lắp mái phao cho các bồn, bể cũ chưa lắp đặt mái phao, đầu tư hệ thống

thiết bị công nghệ thông tin, đo mức chất lỏng tự động nêu trên thì thực hiện theo quy định đó.

4. Thương nhân đầu mối sản xuất, kinh doanh xăng dầu thống kê lượng hao hụt xăng dầu hằng năm báo cáo về Bộ Công Thương (thông qua Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước) để phục vụ quản lý nhà nước về hao hụt xăng dầu. Báo cáo số liệu lượng hao hụt xăng dầu thực hiện theo Mẫu tại Phụ lục IX Thông tư này.

Điều 16. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 43/2015/TT-BCT ngày 08 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định tỷ lệ hao hụt xăng dầu trong hoạt động kinh doanh xăng dầu.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản mới ban hành.

4. Trong quá trình thực hiện Thông tư, trường hợp có khó khăn, vướng mắc hoặc cần sửa đổi, bổ sung, đề nghị Thương nhân kinh doanh xăng dầu, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh bằng văn bản gửi về Bộ Công Thương (thông qua Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước) để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Cục KSTTHC – Văn phòng Chính phủ;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ; Công báo;
- Các Lãnh đạo Bộ, đơn vị thuộc Bộ Công Thương;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, KHCN (5b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Việt Sơn



PHỤ LỤC I

TỶ LỆ HAO HỤT XĂNG DẦU TỐI ĐA CÔNG ĐOẠN NHẬP

(Ban hành kèm theo Thông tư số 68../2026/TT-BCT ngày 30. tháng 10. năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TT	Sản phẩm	Phương tiện nhập hoặc đồng hồ	Tỷ lệ hao hụt xăng dầu tối đa (%)
1	Xăng sinh học E5, E10	- Tàu dầu - Xà lan - Xitéc đường sắt, xitéc ôtô - Bể (chuyển bể)	0,44 0,34 0,24 0,12
2	Etanol nhiên liệu E100	- Tàu dầu - Xà lan - Xitéc đường sắt, xitéc ôtô - Bể (chuyển bể)	0,44 0,34 0,24 0,12
3	Xăng không chì các loại	- Tàu dầu - Xà lan - Xitéc đường sắt, xitéc ôtô - Bể (chuyển bể)	0,36 0,30 0,20 0,10
4	Dầu hoả (KO) các loại, nhiên liệu phản lực tuốc bin hàng không JET A-1 các loại	- Tàu dầu - Xà lan - Xitéc đường sắt, xitéc ôtô - Bể (chuyển bể)	0,31 0,26 0,12 0,08
5	Nhiên liệu điêzen (DO) các loại	- Tàu dầu - Xà lan - Xitéc đường sắt, xitéc ôtô - Bể (chuyển bể)	0,30 0,23 0,095 0,065
6	Nhiên liệu đốt lò (FO) các loại, nhiên liệu hàng hải (F) các loại	- Tàu dầu - Xà lan - Xitéc đường sắt, xitéc ôtô - Bể (chuyển bể)	0,28 0,22 0,09 0,04

PHỤ LỤC II

TỶ LỆ HAO HỤT XĂNG DẦU TỐI ĐA CÔNG ĐOẠN XUẤT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 68./2026/TT-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định tỷ lệ hao hụt xăng dầu trong hoạt động kinh doanh xăng dầu)

1. Đối với xuất cho phương tiện đường thủy:

TT	Sản phẩm	Tỷ lệ hao hụt xăng dầu tối đa (%)		
		Phương án 1		Phương án 2
		Bể - Đồng hồ	Đồng hồ - Phương tiện	Bể - Phương tiện
1	Xăng sinh học E5, E10	0,14	0,093	0,21
2	Etanol nhiên liệu E100	0,12	0,085	0,18
3	Xăng không chì các loại	0,11	0,076	0,16
4	Dầu hoả (KO) các loại, nhiên liệu phản lực tuốc bin hàng không JET A-1 các loại.	0,10	0,068	0,14
5	Nhiên liệu điêzen (DO) các loại	0,08	0,059	0,12
6	Nhiên liệu đốt lò (FO) các loại, nhiên liệu hàng hải (F) các loại	0,060	0,040	0,095

2. Đối với xuất cho phương tiện đường bộ, đường ống* và đường sắt:

TT	Sản phẩm	Tỷ lệ hao hụt xăng dầu tối đa (%)		
		Phương án 1		Phương án 2
		Bể - Đồng hồ	Đồng hồ - Phương tiện	Bể - Phương tiện
1	Xăng sinh học E5, E10	0,14	0,05	0,17
2	Etanol nhiên liệu E100	0,12	0,04	0,15
3	Xăng không chì các loại	0,11	0,03	0,13
4	Dầu hoả (KO) các loại, nhiên liệu phản lực tuốc bin hàng không JET A-1 các loại	0,10	0,03	0,12
5	Nhiên liệu điêzen (DO) các loại	0,08	0,025	0,09
6	Nhiên liệu đốt lò (FO) các loại, nhiên liệu hàng hải (F) các loại	0,06	0,025	0,075

*__Ghi chú:__ Đối với xuất cho đường ống, xác định tỷ lệ hao hụt công đoạn xuất chỉ tính bằng công đoạn Bể - Đồng hồ.

PHỤ LỤC III

TỶ LỆ HAO HỤT XĂNG DẦU TỐI ĐA CÔNG ĐOẠN TỒN CHỨA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 68../2026/TT-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định tỷ lệ hao hụt xăng dầu trong hoạt động kinh doanh xăng dầu)

1. Đối với tồn chứa ngắn ngày:

TT	Sản phẩm	Tỷ lệ hao hụt xăng dầu tối đa (%)		
		Hao hụt tồn chứa ngắn ngày		
		Bể ngầm, bể trong hang, kho nổi/ tàu dầu, xà lan	Bể ngoài trời	
			Trụ đứng	Trụ nằm
1	Xăng sinh học E5, E10: - Bể mái phao - Bể không mái phao	 - 0,090	 0,11 0,14	 - 0,18
2	Etanol nhiên liệu E100	0,090	0,14	0,18
3	Xăng không chì các loại: - Bể mái phao - Bể không mái phao	 - 0,080	 0,10 0,12	 - 0,16
4	Dầu hoả (KO) các loại, nhiên liệu phản lực tuốc bin hàng không JET A-1 các loại	0,010	0,016	0,02
5	Nhiên liệu điêzen (DO) các loại - Bể mái phao - Bể không mái phao	 - 0,008	 0,006 0,012	 - 0,016
6	Nhiên liệu đốt lò (FO) các loại, nhiên liệu hàng hải (F) các loại	0,003	0,003	0,003

2. Đối với tồn chứa dài ngày:

TT	Sản phẩm	Tỷ lệ hao hụt xăng dầu tối đa (%/tháng)			
		Hao hụt tồn chứa dài ngày			
		Bể ngầm, bể trong hang	Kho nổi/ tàu dầu, xà lan	Bể ngoài trời	
				Trụ đứng	Trụ nằm
1	Etanol nhiên liệu E100	-	-	0,100	0,120
2	Xăng không chì các loại: - Bể mái phao - Bể không mái phao	- 0,042	- 0,055	0,080 0,100	- 0,120
3	Dầu hoả (KO) các loại, nhiên liệu phản lực tuốc bin hàng không JET A-1 các loại	0,005	0,008	0,012	0,014
4	Nhiên liệu điêzen (DO) các loại	0,004	0,006	0,010	0,012
5	Nhiên liệu đốt lò (FO) các loại, nhiên liệu hàng hải (F) các loại	0,003	0,003	0,003	0,003

PHỤ LỤC IV

TỶ LỆ HAO HỤT XĂNG DẦU TỐI ĐA CÔNG ĐOẠN SÚC RỬA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 68.../2026/TT-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định tỷ lệ hao hụt xăng dầu trong hoạt động kinh doanh xăng dầu)

TT	Sản phẩm	Tỷ lệ hao hụt xăng dầu tối đa (%)	
		Bể trụ đứng, tàu, xà lan	Bể trụ nằm, xitéc đường sắt, xitéc ôtô
1	Xăng không chì các loại, xăng sinh học E5, E10, Etanol nhiên liệu E100	0,010	0,10
2	Dầu hoả (KO), nhiên liệu phản lực tuốc bin hàng không JET A-1 các loại	0,008	0,08
3	Nhiên liệu điêzen (DO) các loại	0,007	0,07
4	Nhiên liệu đốt lò (FO) các loại, nhiên liệu hàng hải (F) các loại	0,012	0,12

PHỤ LỤC V

TỶ LỆ HAO HỤT XĂNG DẦU TỐI ĐA CÔNG ĐOẠN PHA CHẾ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 68../2026/TT-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định tỷ lệ hao hụt xăng dầu trong hoạt động kinh doanh xăng dầu)

TT	Sản phẩm	Tỷ lệ hao hụt xăng dầu tối đa (%)	
		Pha chế bằng phương pháp bơm chuyển xăng dầu giữa các bể	Pha chế bằng phương pháp khuấy trộn
1	Xăng sinh học E5, E10	0,12	0,14
2	Etanol nhiên liệu E100	0,12	-
3	Xăng không chì các loại	0,11	0,12
4	Dầu hoả (KO) các loại, nhiên liệu phản lực tuốc bin hàng không JET A-1 các loại	0,08	0,09
5	Nhiên liệu điêzen (DO) các loại	0,08	0,09
6	Nhiên liệu đốt lò (FO) các loại, nhiên liệu hàng hải (F) các loại	0,08	0,09

PHỤ LỤC VI

TỶ LỆ HAO HỤT XĂNG DẦU TỐI ĐA CÔNG ĐOẠN VẬN CHUYỂN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 68.../2026/TT-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định tỷ lệ hao hụt xăng dầu trong hoạt động kinh doanh xăng dầu)

1. Đối với vận chuyển bằng đường thủy:**

TT	Sản phẩm	Tỷ lệ hao hụt xăng dầu tối đa (%)			
		Tỷ lệ hao hụt vận chuyển (%/100 km)			Tỷ lệ hao hụt xăng dầu tối đa (%)
		Đến 300 km	Từ 300 đến 600 km	Trên 600 km	
1	Xăng sinh học E5, E10	0,028	0,019	0,011	0,240
2	Etanol nhiên liệu E100	0,028	0,019	0,011	0,240
3	Xăng không chì các loại	0,025	0,017	0,010	0,210
4	Dầu hoả (KO) các loại, nhiên liệu phản lực tuốc bin hàng không JET A-1 các loại	0,018	0,012	0,007	0,170
5	Nhiên liệu điêzen (DO) các loại	0,016	0,011	0,006	0,150
6	Nhiên liệu đốt lò (FO) các loại, nhiên liệu hàng hải (F) các loại	0,009	0,006	0,003	0,080

****Ghi chú:** chỉ áp dụng đối với vận chuyển trong phạm vi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; trường hợp ngoài lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, xác định lượng hao hụt xăng dầu công đoạn vận chuyển tuân thủ theo Tập quán/thông lệ quốc tế.

2. Đối với vận chuyển bằng đường bộ, đường sắt:

TT	Sản phẩm	Tỷ lệ hao hụt xăng dầu tối đa (%)			
		Đường bộ		Đường sắt	
		Tỷ lệ hao hụt xăng dầu (%/100 km)	Tỷ lệ hao hụt xăng dầu tối đa (%)	Tỷ lệ hao hụt xăng dầu (%/100 km)	Tỷ lệ hao hụt xăng dầu tối đa (%)
1	Xăng sinh học E5, E10	0,060	0,130	0,038	0,130
2	Etanol nhiên liệu E100	0,060	0,130	0,038	0,130
3	Xăng không chì các loại	0,050	0,110	0,032	0,120
4	Dầu hoả (KO) các loại, nhiên liệu phản lực tuốc bin hàng không JET A-1 các loại	0,032	0,075	0,018	0,070
5	Nhiên liệu điêzen (DO) các loại	0,027	0,065	0,016	0,060
6	Nhiên liệu đốt lò (FO) các loại, nhiên liệu hàng hải (F) các loại	0,008	0,020	0,008	0,026

3. Đối với vận chuyển bằng đường ống:

TT	Sản phẩm	Tỷ lệ hao hụt xăng dầu tối đa (%)	
		Hao hụt đường ống (%/100km)	Hao hụt đường ống tối đa (%)
1	Xăng không chì các loại, xăng sinh học E5, E10, etanol E100	0,12	0,22
2	Dầu hoả (KO) các loại, nhiên liệu phản lực tuốc bin hàng không JET A-1 các loại, Nhiên liệu điêzen (DO) các loại	0,08	0,16

4. Đối với hao hụt tồn chứa trong đường ống:

TT	Sản phẩm	Tỷ lệ hao hụt xăng dầu tối đa tồn chứa trong đường ống (%/ngày)
1	Xăng không chì các loại, xăng sinh học E5, E10, etanol E100	0,009
2	Dầu hoả (KO) các loại, nhiên liệu phản lực tuốc bin hàng không JET A-1 các loại, Nhiên liệu điêzen (DO) các loại	0,003

PHỤ LỤC VII

TỶ LỆ HAO HỤT XĂNG DẦU TỐI ĐA CÔNG ĐOẠN CHUYỂN TẢI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 68.../2026/TT-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định tỷ lệ hao hụt xăng dầu trong hoạt động kinh doanh xăng dầu)

TT	Sản phẩm	Tỷ lệ hao hụt xăng dầu tối đa chuyển tải (%)
1	Xăng sinh học E5, E10	0,28
2	Etanol nhiên liệu E100	0,28
3	Xăng không chì các loại	0,27
4	Dầu hoả (KO) các loại, nhiên liệu phản lực tuốc bin hàng không JET A-1 các loại	0,25
5	Nhiên liệu điêzen (DO) các loại	0,21
6	Nhiên liệu đốt lò (FO) các loại, nhiên liệu hàng hải (F) các loại	0,21

PHỤ LỤC VIII

TỶ LỆ HAO HỤT XĂNG DẦU TỐI ĐA CÔNG ĐOẠN XUẤT TỪ BỂ CHỨA ĐẾN CỘT BƠM XĂNG DẦU TẠI CỬA HÀNG BÁN LẺ XĂNG DẦU VÀ TỪ PHƯƠNG TIỆN TRA NẠP HOẶC BỂ CHỨA NHIÊN LIỆU HÀNG KHÔNG ĐẾN ĐỒNG HỒ XUẤT LÊN MÁY BAY

(Ban hành kèm theo Thông tư số 68../2026/TT-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định tỷ lệ hao hụt xăng dầu trong hoạt động kinh doanh xăng dầu)

TT	Sản phẩm	Tỷ lệ hao hụt xăng dầu tối đa xuất (%)
1	Xăng sinh học E5, E10	0,085
2	Xăng không chì các loại	0,075
3	Dầu hoả (KO) các loại, nhiên liệu phản lực tuốc bin hàng không JET A-1 các loại	0,060
4	Nhiên liệu điêzen (DO) các loại	0,045

PHỤ LỤC IX

MẪU BÁO CÁO HAO HỤT XĂNG DẦU

TÊN THƯƠNG NHÂN KINH DOANH XĂNG DẦU

Số:……

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm...

BÁO CÁO HAO HỤT XĂNG DẦU

Kỳ báo cáo: ngày/tháng/năm
(Từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...)

Kính gửi: Bộ Công Thương

Căn cứ Thông tư số.../2026/TT-BCT ngày... tháng... năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương, Thương nhân kinh doanh xăng dầu báo cáo hao hụt xăng dầu trong hoạt động kinh doanh xăng dầu theo kỳ báo cáo như sau:

I. Thông tin chung:

1.Tên Thương nhân kinh doanh xăng dầu:.....

2.Đại diện chủ Thương nhân kinh doanh xăng dầu:.....

3.Địa chỉ trụ sở Thương nhân kinh doanh xăng dầu:.....

4.Số điện thoại/địa chỉ email liên lạc:.....

ĐVT: m^3, tấn (FO, F)

STT	Sản phẩm xăng dầu	Phương tiện/bồn bể	Lượng xăng dầu thực hiện các công đoạn trong kinh doanh xăng dầu	Lượng xăng dầu hao hụt *(Xác định theo điều kiện thực tế)*	Lượng xăng dầu hao hụt *(Xác định theo điều kiện cơ sở: nhiệt độ là 15°C; áp suất:101325 Pa)*	Tỷ lệ hao hụt (%)	Ghi chú
I	**Công đoạn nhập**						

1.1	Xăng sinh học (E5, E10)	Tàu dầu					
1.2		Xà lan					
1.3		Xitéc đường sắt, xitéc ôtô					
1.4		Bể (chuyển bể)					
2.1	Etanol nhiên liệu E100	Tàu dầu					
2.2		Xà lan					
2.3		Xitéc đường sắt, xitéc ôtô					
2.4		Bể (chuyển bể)					
3.1	Xăng không chì các loại	Tàu dầu					
3.2		Xà lan					
3.3		Xitéc đường sắt, xitéc ôtô					
3.4		Bể (chuyển bể)					
4.1	Dầu hoả (KO) các loại, nhiên liệu phản lực tuốc bin hàng không JET A-1 các loại	Tàu dầu					
4.2		Xà lan					
4.3		Xitéc đường sắt, xitéc ôtô					
4.4		Bể (chuyển bể)					
5.1		Tàu dầu					

5.2	Nhiên liệu điêzen (DO) các loại	Xà lan					
5.3		Xitéc đường sắt, xitéc ôtô					
5.4		Bể (chuyển bể)					
6.1	Nhiên liệu đốt lò (FO) các loại, nhiên liệu hàng hải (F) các loại	Tàu dầu					
6.2		Xà lan					
6.3		Xitéc đường sắt, xitéc ôtô					
6.4		Bể (chuyển bể)					
II.	**Công đoạn xuất**						
II.1	***Đối với xuất cho phương tiện đường thủy***						
2.1.1	Xăng sinh học (E5, E10)	…					
2.1.2	Etanol nhiên liệu E100	…					
2.1.3	Xăng không chì các loại	…					
2.1.4	Dầu hoả (KO) các loại, nhiên liệu phản lực tuốc bin hàng không JET A-1 các loại	…					

2.1.5	Nhiên liệu điêzen (DO) các loại	…					
2.1.6	Nhiên liệu đốt lò (FO) các loại, nhiên liệu hàng hải (F) các loại	…					
II.2	***Đối với xuất cho phương tiện đường bộ, đường ống* và đường sắt***						
2.2.1	Xăng sinh học (E5, E10)	…					
2.2.2	Etanol nhiên liệu E100	…					
2.2.3	Xăng không chì các loại	…					
2.2.4	Dầu hoả (KO) các loại, nhiên liệu phản lực tuốc bin hàng không JET A-1 các loại	…					
2.2.5	Nhiên liệu điêzen (DO) các loại	…					
2.2.6	Nhiên liệu đốt lò (FO) các loại, nhiên liệu hàng hải (F) các loại	…					
III	**…**						
…							
Tổng							